

Bản án số: 256/2022/DS-PT

Ngày: 19/7/2022

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Chí Anh

Các Thẩm phán: Bà Đặng Mạnh Cẩm Yên

Ông Mai Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đức Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 417/2021/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án sơ thẩm số 107/2021/DS-ST ngày 30/9/2021, của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 191/2022/QĐ-PT ngày 20/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 235/2022/QĐ-PT ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q;

Địa chỉ: quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình T - Giám đốc xử lý nợ

Ông T ủy quyền lại:

1. Ông Mai Anh T2– Chuyên viên xử lý nợ (*có mặt tại phiên tòa*)

2. Bà Ngô Thị N– Chuyên viên xử lý nợ (*có mặt tại phiên tòa*)

Bị đơn:

1. Ông Đinh Hồng B, sinh năm 1982 (*vắng mặt tại phiên tòa*)

2. Bà Đào Thị H1, sinh năm 1985 (*vắng mặt tại phiên tòa*)

Cùng HKTT: quận Long Biên, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q trình bày:

Ngày 19/07/2017 Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh Hà Nội cùng Ông Đinh Hồng B và Bà Đào Thị H1 ký hợp đồng cho vay số kiêm khế ước nhận nợ số 018/17/HĐCV/9341, theo đó Ngân hàng cho Ông B, Bà H1 vay số tiền 545.000.000 đồng; mục đích vay: Mua xe ô tô; thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân lần đầu tiên; ngày nhận nợ: 19/7/2017, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 19/07/2024.

- Về lãi suất: Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi xuất thả nổi như sau:

+ Lãi suất kỳ đầu tiên: LSV áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân là: **7.99%/năm**.

+ Lãi xuất kỳ tiếp theo: Lãi xuất áp dụng đối với khoản vay của bên B cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức **LSV bằng (=) Lãi xuất cơ sở (LSCS)+ 3.8%/năm**.

Lãi xuất cơ sở (LSCS) sẽ được NCB công bố trong từng thời kỳ.

- Về phương thức tính lãi:

+ Tiền lãi phải trả theo hợp đồng này được tính theo ngày, trên cơ sở năm là 360 ngày, LSV (quy định tại khoản 1 điều này), dư nợ vay, số ngày vay thực tế, kể cả thời gian gia hạn trừ khi hai bên có thỏa thuận khác.

+ Nếu LSV này tính trên cơ sở 365 ngày thì LSV được xác định theo công thức sau: $\text{lãi xuất vay/năm (365 ngày)} = (\text{lãi suất vay/năm (360 ngày)} : 360 \text{ ngày}) \times 365 \text{ ngày}$.

+ Số ngày vay thực tế tối thiểu là 01 ngày.

Để đảm bảo cho khoản vay trên cùng ngày 19/7/2017 các bên đã ký Hợp đồng thế chấp ô tô số 018/17/HĐTC/9341, tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 xe Chevrolet, số hiệu: Cruz, màu sơn đen; số khung: RLLJA695EHH945749; số máy: F1XXXXXXXXXXXX; BKS: 30E-xxxxxx; họ tên chủ xe/phương tiện: Đinh Hồng B; giá trị tài sản bảo đảm thời điểm vay là: 657.300.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ông Đinh Hồng B và Bà Đào Thị H1 đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Ngân hàng đã gửi nhiều thông báo yêu cầu Ông B và Bà H1 trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý theo đúng quy định nhưng Ông B và Bà H1 không hợp tác. Đến nay Ông B, Bà H1 không có động thái trả nợ, không hợp tác và không bàn giao tài sản cho phía Ngân hàng mặc dù Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở, thông báo tạo điều kiện để Ông B, Bà H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng TMCP Q khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết các yêu cầu đối với Ông Đinh Hồng B, Bà Đào Thị H1 như sau:

- Buộc Ông B và Bà H1 thanh toán cho Ngân hàng số tiền **822.671.433 đồng** (tạm tính đến ngày 30/9/2021); trong đó, trong đó: Nợ gốc: 525.530.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 165.492.845 đồng; Nợ lãi quá hạn: 88.576.926 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 43.071662 đồng.

- Kể từ ngày bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, nếu Ông Đinh Hồng B và Bà Đào Thị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của các khoản vay nói trên để thu hồi khoản nợ cho NCB, tài sản bảo đảm là: 01 xe Cheverolet, số hiệu: Cruze, màu sơn đen; số khung: RLLJA695EHH945749; số máy: F1XXXXXXXXXXXX; BKS: 30E-xxxxxxx; Họ tên chủ xe/phương tiện: Đinh Hồng B.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo nêu trên vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ông Đinh Hồng B và Bà Đào Thị H1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn: ông Đinh Hồng Biên và Bà Đào Thị H1 đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn không đến làm việc nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, hòa giải giữa các bên đương sự, do đó bị đơn không có quan điểm giải quyết vụ án.

Tại bản án sơ thẩm số 107/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội, đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

2. Buộc Ông Đinh Hồng B và Bà Đào Thị H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến hết ngày 30/9/2021 là 796.630.781 đồng. Trong đó nợ gốc là: 525.530.000 đồng; Lãi trong hạn là 171.499.874 đồng, lãi quá hạn là: 99.600.907 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng của số tiền nợ gốc tính từ 30/9/2021 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ gốc.

3. Bác yêu cầu đòi tiền nợ lãi chậm trả lãi của Ngân hàng TMCP Q số tiền 47.437.537 đồng.

4. Xác nhận hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 018/17/HĐCV/9341; Hợp đồng thế chấp ô tô số 018/17/HĐTC/9341 ngày 19/07/2017 giữa Ông Đinh Hồng B và Bà Đào Thị H1 và Ngân hàng TMCP Q có hiệu lực pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô con Cheverolet, số hiệu: Cruz, màu sơn đen; số khung: RLLJA695EHH945749; số máy: F1XXXXXXXXXXXX; BKS: 30E - xxxxxx; họ tên chủ xe/phương tiện: Đinh Hồng B. Khi nào Ngân hàng thương mại cổ phần Q có đầy đủ căn cứ xác định chiếc xe vẫn do Ông B, Bà H1 quản

lý, vẫn còn giá trị sử dụng thì có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý theo quy định.

5. Trường hợp số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo nêu trên vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng Q thì Ông Đinh Hồng B và Bà Đào Thị H1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, ngày 19/10/2021 Ngân hàng TMCP Q là nguyên đơn trong vụ án đã nộp đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc Ông Đinh Hồng B, Bà Đào Thị H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền lãi chậm trả lãi của khoản nợ tính đến ngày 30/9/2021 là 47.437.537 đồng.

- Kể từ ngày bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, nếu Ông Đinh Hồng B và Bà Đào Thị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của các khoản vay nói trên để thu hồi khoản nợ cho NCB, tài sản bảo đảm là: 01 xe Cheverolet, số hiệu: Cruze, màu sơn đen; số khung: RLLJA695EHH945749; số máy: F1XXXXXXXXXXXX; BKS: 30E-xxxxxx; Họ tên chủ xe/phương tiện: Đinh Hồng B.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí là 14.949.000 đồng đã nộp theo Biên lai nộp tạm ứng án phí số 0017195 ngày 26/10/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Long Biên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử vụ án.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP Q đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm; không chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn phải trả khoản tiền chậm trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn

cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Q với Ông Đinh Hồng B và Bà Đào Thị H1 là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa một bên là tổ chức tín dụng với một bên là cá nhân. Bị đơn Ông B Bà H1 có địa chỉ cư trú cuối cùng tại Tổ 13 phường Thạch Bàn, quận Long Biên, Hà Nội, do đó căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Long Biên giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

1.2. Về thời hạn kháng cáo: Ngân hàng TMCP Q là nguyên đơn trong vụ án có kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí, do đó kháng cáo được coi là hợp lệ về mặt hình thức.

1.3. Về sự vắng mặt của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc tổng đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho bị đơn – Ông Đinh Hồng B và Bà Đào Thị H1. Căn cứ Biên bản xác minh ngày 05/01/2021 tại Công an phường Thạch Bàn, quận Long Biên, Hà Nội xác định Ông B và Bà H1 có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại Tổ 13 phường Thạch Bàn, quận Long Biên, Hà Nội. Khoảng năm 2015 Ông B, Bà H1 đã bán nhà riêng tại địa chỉ nêu trên và thuê trọ sinh sống tại nhà bà Nguyễn Thị Sành cũng tại quận Long Biên, Hà Nội. Tuy nhiên việc tổng đạt không thực hiện được do Ông B, Bà H1 không có ở nhà. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc Niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án tại địa chỉ nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

- Tại cấp phúc thẩm, bị đơn cũng đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung:

2.1. *Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp:*

Ngày 19/7/2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (NCB) với Bà Đào Thị H1, Ông Đinh Hồng B đã ký kết Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 018/17/HĐCV/9341 với khoản vay 545.000.000 đồng; mục đích vay: Thanh toán 1 phần tiền mua xe ô tô Chevrolet Cruze; Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay theo quy định tại nội dung của Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 018/17/HĐCV/9341.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bà Đào Thị H1 và Ông Đinh Hồng B đã không thực hiện trả nợ theo như giao kết trong Hợp đồng vay nợ. Tính đến ngày 30/9/2021, dư nợ tạm tính của Bà H1 và Ông B tại NCB như sau:

Tổng nợ gốc: 525.530.000 đồng.

Tổng nợ lãi trong hạn: 171.499.874 đồng.

Tổng nợ lãi quá hạn: 99.600.907 đồng

Nợ lãi chậm trả: 47.437.537 đồng

Tổng nợ: 844.303.518 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

- Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 018/17/HĐCV/9341 ngày 19/7/2017 được ký kết giữa bà Bà Đào Thị H1, Ông Đinh Hồng B với NCB trên cơ sở thỏa thuận, tự nguyện, có đầy đủ năng lực chủ thể, hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị thi hành theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào nội dung của Hợp đồng cho vay thì ngày 19/7/2017, NCB đã giải ngân bằng hình thức chuyển khoản cho Công ty cổ phần ô tô Con đường mới số tiền 545.000.000 đồng để Ông B, Bà H1 thực hiện việc mua ô tô Chervolet nêu trên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ông B và Hiền không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, Mặc dù Ngân hàng NCB đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu trả nợ nhưng Ông B Bà H1 không hợp tác, không bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng. Do vậy, NCB khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ông B, Bà H1 trả nợ cho NCB theo nội dung Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 018/17/HĐCV/9341 ngày 19/7/2017 là có căn cứ.

2.2. Xét kháng cáo của nguyên đơn đối với khoản lãi chậm trả:

Căn cứ điểm b Khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam “quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng”, quy định về lãi suất cho vay như sau:

“4. Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;”

Theo điểm b Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 8 Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, quy định:

“Điều 8: Xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xét xử sơ thẩm

1.

2. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 được xác định như sau:

a)

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn.

3. Thời gian chậm trả tiền nợ gốc bắt đầu kể từ ngày chuyển nợ quá hạn đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

4. Thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.”

Theo thỏa thuận tại Khoản 4 Điều 10 của Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ về lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả là phù hợp với quy định nêu trên. Do đó ngoài các khoản lãi trong hạn, lãi quá hạn thì Ông B, Bà H1 phải chịu khoản lãi chậm trả được tính trên số dư lãi chậm trả kể từ ngày chậm trả lãi đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2021) với số tiền là: 47.437.537 đồng. Kháng cáo của nguyên đơn đối với phần lãi chậm trả lãi là có căn cứ để chấp nhận.

2.3. Xét kháng cáo của nguyên đơn đối với tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay, Ông B, Bà H1 và Ngân hàng NCB đã ký Hợp đồng thế chấp ô tô số 018/17/HĐTC/9341 ngày 19/7/2017, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/7/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội. Tài sản thế chấp là: xe ô tô con hiệu Chevrolet Cruze, BKS 30E-xxxxxx, số khung RRLJJA695EHH954749, số máy F1XXXXXXXXXX, họ tên chủ xe: Đinh Hồng B.

Xét thấy Hợp đồng thế chấp nêu trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức, nội dung và hình thức đều phù hợp quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên có giá trị thi hành đối với các bên.

Căn cứ quy định tại Điều 299, Điều 303 Bộ luật dân sự năm 2015, trường hợp Ông B, Bà H1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì NCB có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là ô tô con hiệu Chevrolet Cruze, BKS 30E-xxxxxxx, số khung RRLJJA695EHH954749, số máy F1XXXXXXXXXXXX, họ tên chủ xe: Đinh Hồng B để thu hồi nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp giữa NCB với Ông B, Bà H1.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Ông Đinh Hồng B và Bà Đào Thị H1 đối với Ngân hàng NCB. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Ông B Bà H1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô con hiệu Chevrolet Cruze, BKS 30E-xxxxxxx, số khung RRLJJA695EHH954749, số máy F1XXXXXXXXXXXX, họ tên chủ xe: Đinh Hồng B là chưa phù hợp, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa về nội dung này.

- Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Ngân hàng TMCP Q.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí:

Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

- Ông Đinh Hồng B và Bà Đào Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận.

Nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm:

- Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 299, Điều 303 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Điều 8 Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP Q, sửa Bản án sơ thẩm số 107/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q Việt Nam

- Buộc Ông Đinh Hồng B và Bà Đào Thị H1 thanh toán cho Ngân hàng số tiền **844.303.518 đồng** (tạm tính đến ngày 30/9/2021); trong đó: Nợ gốc: 525.530.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 171.499.874 đồng; Nợ lãi quá hạn: 99.600.907 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 47.437.537 đồng.

- Ông Đinh Hồng B và Bà Đào Thị H1 phải tiếp tục trả phần nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ nêu trên kể từ ngày 01/10/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, nếu Ông Đinh Hồng B và Bà Đào Thị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của các khoản vay nói trên để thu hồi khoản nợ cho NCB, tài sản bảo đảm là: 01 xe Cheverolet, số hiệu: Cruze, màu sơn đen; số khung: RLLJA695EHH945749; số máy: F1XXXXXXXXXXXX; BKS: 30E-xxxxxx; Họ tên chủ xe/phương tiện: Đinh Hồng B.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Ông Đinh Hồng B và Bà Đào Thị H1. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Ông B, Bà H1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

+ Ông Đinh Hồng B và Bà Đào Thị H1 phải nộp số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là:

$$36.000.000 + 3\%(844.303.518 - 800.000.000) = 37.329.106 \text{ đồng}$$

+ Hoàn trả Ngân hàng TMCP Q 14.999.000 đồng (*mười bốn triệu chín trăm chín mươi chín nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0017195 ngày 26/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên.

- *Về án phí phúc thẩm:*

Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả lại Ngân hàng số tiền 300.000 đồng án tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0064779 ngày 04/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày Tòa tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận Long Biên;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trương Chí Anh

